

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định nội dung và mức chi hỗ trợ
hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 25**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN ngày 12 tháng 4 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tổ chức quản lý Đề án “Hỗ trợ
hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh
thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;*

*Xét Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
tỉnh Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng
tạo đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh
tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi
hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân
tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị
quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ; Tài chính;
- Vụ Pháp chế của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT,KTNS(02).ptth.

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]

Bùi Thị Quỳnh Vân



QUY ĐỊNH

Nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ của Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” quy định tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ do địa phương thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Đề án).

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại Mục II Điều 1 Quyết định số 844/QĐ-TTg.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

- Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.
- Các nội dung đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ đã được hỗ trợ từ chính sách khác thì không được xem xét hỗ trợ theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung và mức chi để tổ chức sự kiện Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Chi thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan): Mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Chi hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức chi hỗ trợ là 8 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

3. Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; chi tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch

được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chi tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi: Mức chi áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi đối với hoạt động tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Nội dung và mức chi để phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Chi hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyên gia, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh: Mức chi hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ. Trong đó:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 60% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 40% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

2. Chi hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nhà đầu tư khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh.

a) Đối với chuyên gia trong nước: Mức chi thuê chuyên gia là 12 triệu đồng/chuyên gia/khóa đào tạo. Trong trường hợp cần thiết phải tổ chức các khóa

đào tạo chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức chi thuê chuyên gia là 32 triệu đồng/chuyên gia/khóa đào tạo.

b) Đối với chuyên gia nước ngoài: Mức chi thuê chuyên gia nước ngoài do thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định sau khi thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng khoán việc và trong phạm vi dự toán được phê duyệt. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia nước ngoài bằng 40% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Điều 5. Nội dung và mức chi để phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Chi hỗ trợ một phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của một số cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo: Mức chi hỗ trợ là 25% tổng mức kinh phí thực hiện của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ tư vấn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Mức chi hỗ trợ là 64 triệu đồng/nhiệm vụ/doanh nghiệp.

Điều 6. Nội dung và mức chi đối với hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Hỗ trợ 40% kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của tỉnh theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Nội dung và mức chi hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Chi hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp:

a) Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định một số định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

c) Thời gian hỗ trợ: 01 năm/doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm.

2. Chi hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý,

sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): **Mức kinh phí hỗ trợ là 64.000.000 đồng/doanh nghiệp.**

3. Chi hỗ trợ 40% kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

a) Nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng dưới hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND.

c) Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm.

Điều 8. Nội dung và mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Đề án do địa phương thực hiện

1. Chi thông tin, tuyên truyền: Mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

2. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ; tổ chức hội thảo khoa học: Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND.

3. Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết hoạt động xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh: Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.